



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.26.00030**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : TEA SEED POWDER  
**Số lượng/ khối lượng** : 4.900 bao/ 49.000 kg  
**Ngày sản xuất** : 16/10/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Agrisky Co.,Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : AGRISKY25107 ngày 03/10/2025  
Hóa đơn số : AGRISKY25107 ngày 16/10/2025  
Vận đơn số : COAU7263692610  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 954/HQ-GDK-TTKN ngày 29/11/2025  
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250042745)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH ORAIN CHEM**  
Địa chỉ: Lô F19A-20-21, Đường số 4, khu công nghiệp Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 26 /QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
ANALYTICAL REPORT  
Số/No.: 47/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Lê Phước Dũng

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 56692512403

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 12/12/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 12/12/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>      | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method        |
|---------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|--------------------|----------------------------------------|
| TEA SEED POWDER<br>(BNNPTNT292500427<br>45) | Saponin (*)(**)                        | %            | 16,7               | Dược điển Việt Nam 5 tập 2             |
|                                             | Escherichia coli (#)(*)                | CFU/g        | <10                | TCVN 7924-2:2008<br>(ISO 16649-2:2001) |
|                                             | Salmonella spp. (#)(*)                 | /25g         | KPH                | TCVN 10780-1:2017<br>(ISO 6579-1:2017) |

Cần Thơ, ngày/date: 05/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.